



Giờ ký: 08/05/2023 10:30:29
Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa

UBND TỈNH THANH HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 39/CV-XBTH

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 4 năm 2023

V/v Cung cấp thông tin doanh nghiệp để
công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh

Thanh Hóa

UBND TỈNH THANH HÓA	
ĐẾN	Số: 23063.....
	Ngày: 08/5/23.....
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Công văn số 15439/UBND-THKH ngày 05/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về tổ chức thực hiện việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa đã tổng hợp các báo cáo cần phải thực hiện và công bố thông tin năm 2022 gồm có:

- Báo cáo giám sát tài chính năm 2022;
- Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán;
- Báo cáo chế độ tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp;
- Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và 03 năm gần nhất;
- Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức doanh nghiệp năm 2022;
- Báo cáo tình hình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp năm 2022;
- Báo cáo tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích năm 2022;
- Thông báo người đại diện theo pháp luật thực hiện công bố thông tin.

Với những nội dung trên, Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa Kính báo cáo Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa để tổng hợp và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ KHĐT-Cục PTDN (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở KH&ĐT; Sở Tài chính (để b/c);
- Lưu: Văn thư; Phòng TC-HC.



Hoàng Văn Tú

UBND TỈNH THANH HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/BC-XBTH

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính Phủ)

Kính gửi: UBND tỉnh Thanh Hóa

Tên giao dịch của doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa

Mã số doanh nghiệp: 2800239312

Địa chỉ liên hệ: số 248 Trần Phú, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa

Điện thoại: (0237)3.723.797 - 3.853.548

Fax: 02373.853.548

Email: nxbthanhhoa@yahoo.com

Website:

Sau đây chúng nhận: Ông Hoàng Văn Tú

Điện thoại liên hệ: 0912.276.002

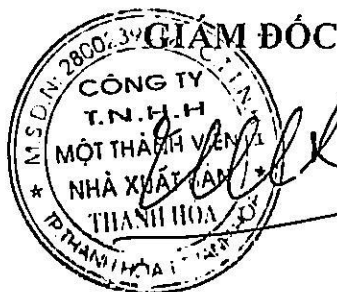
Email: hoangtu0676@gmail.com

Chức vụ tại doanh nghiệp: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa được giao thực hiện công bố thông tin của Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa./.

Nơi nhận:

- Bộ KHĐT-Cục PTDN (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở KH&ĐT; Sở Tài chính (để b/c);
- Lưu: Văn thư; Phòng TC-HC.



Hoàng Văn Tú

Số: 41/BC-XBTH

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO
CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

a). Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp:

- Phân phối theo lao động, trả lương gắn với năng suất, chất lượng, hiệu quả của đơn vị và mức độ đóng góp của từng người lao động; khắc phục tình trạng phân phối bình quân không gắn với kết quả lao động.

- Người lao động làm công việc gì, giữ chức vụ gì thì được hưởng lương theo công việc hoặc chức vụ đó. Khi thay đổi công việc, chức danh thì tiền lương được thay đổi phù hợp với công việc, chức danh mới;

- Làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, có trách nhiệm cao hơn thì được hưởng thêm phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm;

- Quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động làm việc trong công ty, không sử dụng vào mục đích khác. Việc chi trả tiền lương dựa trên cơ sở số lượng, chất lượng, vị trí công việc được giao và số ngày công trực tiếp làm việc trong tháng. Hàng tháng người lao động được ứng 80% tổng tiền lương tính cho tháng đó, còn lại 20% công ty sẽ trả vào cuối năm.

- Quỹ tiền lương, thù lao của viên chức quản lý được xác định theo năm, tách riêng với quỹ tiền lương của người lao động. Căn cứ vào quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch do công ty xác định hàng tháng viên chức quản lý được tạm ứng 80% của số tiền lương, thù lao tạm tính cho tháng đó, số 20% còn lại được chi trả vào cuối năm sau khi được quyết toán Tài chính năm.

b). Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022:

Chỉ tiêu kế hoạch tiền lương trong kế hoạch tài chính năm 2022 được công ty xây dựng là: 1.500.000.000 đồng và được thông báo theo số 7972/STC-TCDN ngày 17/12/2021 của Sở Tài chính về việc thông báo KHTC năm 2022 của Công ty.

Trong đó:

- Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý là: 550.000.000 đồng;

- Quỹ tiền lương kế hoạch của lao động là: 950.000.000 đồng.

2. Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp

BIỂU BÁO CÁO
QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP
NĂM 2022

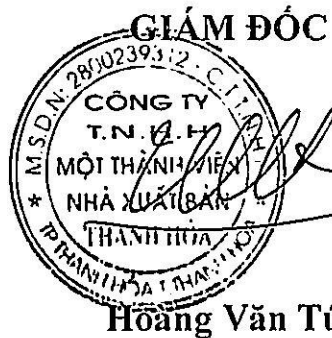
STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2021		Năm 2022	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
1	2	3	4	5	6	7
I	Hạng Công ty được xếp		II	II	II	II
II	Tiền lương của người lao động					
1	Lao động	Người	12	12	11	11
2	Mức tiền lương bình quân	Triệu đồng	5,42	4,6	6,6	5,02
3	Quỹ tiền lương bình quân	Triệu đồng	924	693	950	603
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Triệu đồng				
5	Thu nhập bình quân	Triệu đồng		5,3		5,5
III	Tiền lương của người quản lý doanh nghiệp					
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	03	02	03	02
2	Mức lương cơ bản bình quân	Triệu đồng	5,76	5,98	6,6	6,1
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	537	312	550	212
4	Mức tiền lương bình quân	Triệu đồng	14,89	8,65	15,28	8,8
5	Quỹ tiền thưởng	Triệu đồng				
6	Tiền thưởng, thu nhập	Triệu đồng				
7	Mức thu nhập bình quân của VCQL	Triệu đồng		9,16		9,32

Trên đây là những nội dung của Báo chế độ, tiền lương, tiền thưởng năm 2022 theo quy định, Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ KHĐT-Cục PTDN (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở KH&ĐT; Sở Tài chính (để b/c);
- Lưu: Văn thư; Phòng TC-HC.

GIÁM ĐỐC



Hoàng Văn Tú

Số: 42/BC-XBTH

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH
DOANH HẰNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Thanh Hóa Báo cáo kết quả giám sát tài chính năm 2022 như sau:

1. Tình hình hoạt động SXKD năm 2022

1.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2022:

- Trong hoạt động công ích của Nhà nước giao là sách đặt hàng năm 2022: Công ty đã thực hiện đúng tiến độ và thời gian theo đúng quy định của UBND tỉnh giao. Số đầu sách: 5/6 đầu sách đạt 83%. Doanh thu đạt 1.979 triệu đồng.

- Trong hoạt động sản xuất kinh doanh về sản phẩm tự kinh doanh, trong đó bao gồm: Sách tự in - Sách liên kết.

Về mảng sách tự in, trong năm 2022 với sự nỗ lực hết mình của Ban lãnh đạo và toàn thể Cán bộ công nhân viên trong Công ty đạt 52% so với kế hoạch đề ra là: 130/68 đầu sách; Doanh thu đạt 3.224 triệu đồng.

Về mảng sách và văn hóa phẩm liên doanh, liên kết trong năm 2022, Công ty chỉ đạt 240/390 đầu sách so với kế hoạch đề ra chỉ bằng 62%; Doanh thu đạt 1.366 triệu đồng.

Tình hình thực hiện Kết quả kinh doanh trong năm 2022 như sau:

+ Tổng doanh thu: 6.607 triệu đồng

Trong đó:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: 6.569 triệu đồng

- Doanh thu hoạt động tài chính: 3 triệu đồng

- Doanh thu khác: 35 triệu đồng

+ Tổng chi phí: 6.576 triệu đồng

+ Tổng lợi nhuận trước thuế: 31 triệu đồng

+ Thu nhập BQ người lao động: 5,5 triệu đồng/người

1.2. Nộp ngân sách Nhà nước và các chỉ tiêu khác:

- Thuế và Các khoản phải nộp ngân sách: Kế hoạch giao 157 triệu đồng; thực hiện trong năm là 95 triệu đồng, chỉ đạt 61% so với kế hoạch.

2. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước của Doanh nghiệp.

2.1. Tình hình đầu tư tài sản:

Trong năm 2022 Công ty không đầu tư mua sắm tài sản.

2.2. Tình hình huy động vốn, sử dụng vốn huy động và đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

Trong năm 2022 Công ty không có huy động vốn, sử dụng vốn huy động và đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

2.3. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

Công ty định kỳ hàng tháng, quý kiểm kê đánh giá việc quản lý sử dụng tài sản công cụ, dụng cụ của từng bộ phận phòng ban; từ đó làm cơ sở đánh giá chất lượng, hiệu quả sử dụng tài sản của từng bộ phận. Công ty thực hiện tính tăng, giảm, trích khấu hao, thanh lý nhượng bán tài sản theo đúng quy định của Nhà nước. Tài sản là phương tiện vận tải đều được mua Bảo hiểm đúng quy định của Nhà nước.

Công nợ phải thu tính đến thời điểm 31/12/2022 là: 4.028.193.293 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, không trăm hai tám triệu, một trăm chín ba nghìn, hai trăm chín mươi ba đồng). Công ty mở sổ theo dõi chi tiết cho từng đối tượng cụ thể.

Công nợ phải trả tính đến thời điểm 31/12/2022 là: 4.172.786.014 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, một trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm tám sáu nghìn, không trăm mười bốn đồng); trong đó không có nợ quá hạn.

- Hệ số khả năng thanh toán nợ: 1,24 lần

- Hệ số nợ phải trả trên vốn CSH: 0,21 lần

Việc quản lý công nợ phải thu, nợ phải trả cân đối, trong tầm kiểm soát của Công ty.

3. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn.

Do tình hình xuất bản ngày càng khó khăn, mặc dù sản xuất kinh doanh có lãi; vì vậy vốn vẫn được bảo toàn. Hơn thế nữa với số vốn quá ít, cơ sở vật chất không đảm bảo cho nhu cầu sản xuất kinh doanh cũng như tính cạnh tranh với thị trường là thấp.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách về thực hiện nghĩa vụ ngân sách Nhà nước.

Là đơn vị thực hiện nhiệm vụ công ích đồng thời tự sản xuất kinh doanh với mục đích phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh là chính, nên công ty luôn chú trọng chăm lo đời sống, chế độ chính sách đối với người lao động, thực hiện tốt việc đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Thực hiện tốt mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước.

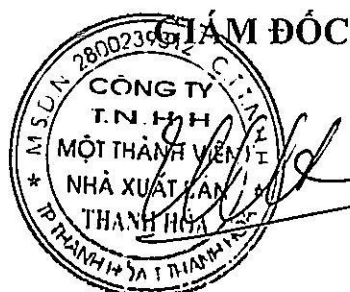
BIỂU SỐ 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA
DOANH NGHIỆP

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022
	Sách các loại		391	446	320	313
	<u>Trong đó:</u>					
1	- Sách đặt hàng NN	Cuốn	5	5	6	5
	- Sách kinh doanh		386	441	314	308
2	Lịch tờ các loại	Loại	5	5	5	5
3	Doanh thu	Triệu đồng	8.040	7.589	6.625	6.607
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	148	233	139	95
5	Lợi nhuận	Triệu đồng	128	21	(157)	31
6	Tổng lao động	Người	15	15	13	13
7	Tổng quỹ lương		973	1.042	1.005	815
a	Quỹ lương VCQL	Triệu đồng	366	375	312	212
b	Quỹ lương lao động	Triệu đồng	607	667	693	603

Trên đây là những nội dung của Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 theo quy định, Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ KHĐT-Cục PTDN (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở KH&ĐT; Sở Tài Chính (để b/c);
- Lưu: Văn thư; Phòng TC-HC.



Hoàng Văn Tú

UBND TỈNH THANH HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

Số: 44/XBTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

I. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý nắm giữ	Công việc được giao
			Chức danh tại DN	Chức danh tại Công ty khác (nếu có)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I. CHỦ TỊCH CÔNG TY KIỂM GIÁM ĐỐC CÔNG TY									
1	Hoàng Văn Tú	1976	Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc			Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh			Điều hành chung toàn Công ty
II. TỔNG BIÊN TẬP KIỂM PHÓ GIÁM ĐỐC									
III. KẾ TOÁN TRƯỞNG									

II. BAN KIỂM SOÁT HOẶC KIỂM SOÁT VIÊN CÔNG TY

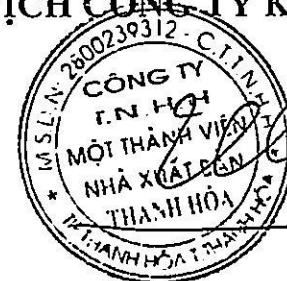
TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý nắm giữ	Công việc được giao	
			Chức danh tại DN	Chức danh tại Công ty khác (nếu có)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
I. KIỂM SOÁT VIÊN										

III. THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Căn cứ vào Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao tiền thưởng đối với Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Nhưng do công ty có số vốn ít và không đủ khả năng chi trả lương theo Nghị định số 51, vì vậy nên Lương thực hiện vẫn tính theo Nghị định 204/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

CHỦ TỊCH CÔNG TY KIỂM GIÁM ĐỐC



Hoàng Văn Tú

Số: 45/XBTH

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

		Thoái vốn		Tiền độ thực hiện đến năm báo cáo							Các hình thức khác		Tỷ lệ Nhà nước dự kiến năm giữ sau sắp xếp thoái vốn	Kế hoạch năm tiếp theo	Ghi chú
TT	TÊN DOANH NGHIỆP	Giữ nguyên	Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	CPH					Đại hội đã đồng cổ đông lần 1	Tên hình thức	Đã có Quyết định phê duyệt	13	14	15
					Thành lập BCĐ	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Thanh Hóa														Làm đề án Chuyển sang Đơn vị sự nghiệp công lập tự trang trải một phần kinh phí



GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Tú

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Cùng kỳ năm 2021	Thực hiện năm 2022		Tỷ lệ so với Kế	Tỷ lệ so với cùng
		1	Kế hoạch	Thực hiện	4=3/2	5=3/1
1	Khối lượng, sản lượng, sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm (Cuốn)	6	5	5	100	83
2	Khối lượng, sản lượng, sản phẩm dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu	-	-	-	-	-
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu	-	-	-	-	-
4	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm (Triệu đồng)	1.845	2.000	1.790	90	97
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm (Triệu đồng)	1.996	2.000	1.979	99	99



Hoàng Văn Tú

ĐƠN VỊ: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA
TRỤ SỞ: 248 Trần Phú - P. Ba Đình - TP. Thanh Hóa
TELL: (02373).723.797 - 853.548
FAX: (02373).853.548

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH NĂM 2022

NƠI NHẬN BÁO CÁO:

UBND TỈNH THANH HÓA



Thanh Hóa, ngày 24 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH NĂM 2022

- Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ “Về đầu tư vốn Nhà nước vào Doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp”;

- Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ “Về đầu tư vốn Nhà nước vào Doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp”;

- Căn cứ Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của Doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

- Căn cứ Thông báo số 7972/STC-TCDN ngày 17/12/2021 của Sở Tài chính về việc Thông báo KHTC năm 2022 của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Thanh Hóa;

Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Thanh Hóa Báo cáo kết quả giám sát tài chính năm 2022 như sau:

1. Tình hình hoạt động SXKD năm 2022

1.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2022:

- Trong hoạt động công ích của Nhà nước giao là sách đặt hàng năm 2022: Công ty đã thực hiện đúng tiến độ và thời gian theo đúng quy định của UBND tỉnh giao. Số đầu sách: 5/6 đầu sách đạt 83%. Doanh thu đạt 1.979 triệu đồng.

- Trong hoạt động sản xuất kinh doanh về sản phẩm tự kinh doanh, trong đó bao gồm: Sách tự in - Sách liên kết.

Về mảng sách tự in, trong năm 2022 với sự nỗ lực hết mình của Ban lãnh đạo và toàn thể Cán bộ công nhân viên trong Công ty đạt 52% so với kế hoạch đề ra là: 130/68 đầu sách; Doanh thu đạt 3.224 triệu đồng.

Về mảng sách và văn hóa phẩm liên doanh, liên kết trong năm 2022, Công ty chỉ đạt 240/390 đầu sách so với kế hoạch đề ra chỉ bằng 62%; Doanh thu đạt 1.366 triệu đồng.

Tình hình thực hiện Kết quả kinh doanh trong năm 2022 như sau:

+ Tổng doanh thu:	6.607 triệu đồng
Trong đó:	
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:	6.569 triệu đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính:	3 triệu đồng
- Doanh thu khác:	35 triệu đồng
+ Tổng chi phí:	6.576 triệu đồng
+ Tổng lợi nhuận trước thuế:	31 triệu đồng
+ Thu nhập BQ người lao động:	5,5 triệu đồng/người

1.2. Nộp ngân sách Nhà nước và các chỉ tiêu khác:

- Thuế và Các khoản phải nộp ngân sách: Kế hoạch giao 157 triệu đồng; thực hiện trong năm là 95 triệu đồng, chỉ đạt 61% so với kế hoạch.

2. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước của Doanh nghiệp.

2.1. Tình hình đầu tư tài sản:

Trong năm 2022 Công ty không đầu tư mua sắm tài sản.

2.2. Tình hình huy động vốn, sử dụng vốn huy động và đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

Trong năm 2022 Công ty không có huy động vốn, sử dụng vốn huy động và đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

2.3. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

Công ty định kỳ hàng tháng, quý kiểm kê đánh giá việc quản lý sử dụng tài sản công cụ, dụng cụ của từng bộ phận phòng ban; từ đó làm cơ sở đánh giá chất lượng, hiệu quả sử dụng tài sản của từng bộ phận. Công ty thực hiện tính tăng, giảm, trích khấu hao, thanh lý nhượng bán tài sản theo đúng quy định của Nhà nước. Tài sản là phương tiện vận tải đều được mua Bảo hiểm đúng quy định của Nhà nước.

Công nợ phải thu tính đến thời điểm 31/12/2022 là: 4.028.193.293 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, không trăm hai tám triệu, một trăm chín ba nghìn, hai trăm chín mươi ba đồng). Công ty mở sổ theo dõi chi tiết cho từng đối tượng cụ thể.

Công nợ phải trả tính đến thời điểm 31/12/2022 là: 4.172.786.014 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, một trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm tám sáu nghìn, không trăm mười bốn đồng); trong đó không có nợ quá hạn.

- Hệ số khả năng thanh toán nợ: 1,24 lần
- Hệ số nợ phải trả trên vốn CSH: 0,21 lần

Việc quản lý công nợ phải thu, nợ phải trả cân đối, trong tầm kiểm soát của Công ty.

3. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn.

Do tình hình xuất bản ngày càng khó khăn, mặc dù sản xuất kinh doanh có lãi; vì vậy vốn vẫn được bảo toàn. Hơn thế nữa với số vốn quá ít, cơ sở vật chất không đảm bảo cho nhu cầu sản xuất kinh doanh cũng như tính cạnh tranh với thị trường là thấp.

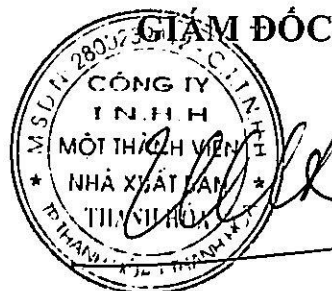
4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách về thực hiện nghĩa vụ ngân sách Nhà nước.

Là đơn vị thực hiện nhiệm vụ công ích đồng thời tự sản xuất kinh doanh với mục đích phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh là chính, nên công ty luôn chú trọng chăm lo đời sống, chế độ chính sách đối với người lao động, thực hiện tốt việc đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Thực hiện tốt mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Trên đây là những nội dung của Báo cáo giám sát tài chính năm 2022 theo quy định, Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa trân trọng báo cáo Quý sở./.

Nơi nhận:

- Bộ KHĐT-Cục PTDN (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở KH&ĐT; Sở Tài Chính (để b/c);
- Lưu: Văn thư; Phòng TC-HC.



Hoàng Văn Tú

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài Chính)

1. Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa
2. Ngành nghề kinh doanh: Xuất bản sách và Khoản mục theo Giấy đăng ký kinh doanh
3. Địa chỉ: 248 Trần Phú - Phường Ba Đình - T.Phố Thanh Hóa
4. Điện thoại: 0237.3.723.797 - 3.722.347 - 3.853.548 Fax: 0237.3.853.548

Biểu 01 - Mã

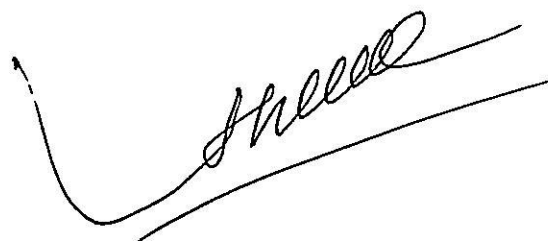
Chi tiêu 1 (Triệu đồng) Doanh thu và thu nhập khác			Chi tiêu 2						Chi tiêu 3				Chi tiêu 4	Chi tiêu 5	
KH	TH	Xếp loại	Lợi nhuận (Triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (Triệu đồng)		Tỷ suất LN/Vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (Tr. Đồng)	Xếp loại	Xếp loại
			KH	TH	KH	TH	KH	TH		TSNH (Tr.đồng)	Nợ NH (Tr.đồng)	TSNH/NNH (lần)			
6.345	6.607	A	20	31	1.455	1.032	1.37%	3,00%	A	6.033	4.878	1,24		A	A

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC





Nguyễn Hữu Thanh

Nguyễn Hữu Thanh

Hoàng Văn Tú

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài Chính)

1. Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa
2. Ngành nghề kinh doanh: Xuất bản sách và Khoản mục theo Giấy đăng ký kinh doanh
3. Địa chỉ: 248 Trần Phú - Phường Ba Đình - T.Phố Thanh Hóa
4. Điện thoại: 0237.3.723.797 - 3.722.347 - 3.853.548 Fax: 0237.3.853.548

Biểu 02 - Mẫu số 04
Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	TÊN DOANH NGHIỆP	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của VCQL	Xếp loại hoạt động VCQL doanh nghiệp
		Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	%Thực hiện/Kế hoạch			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Thanh Hóa	20	31	155	A	A	A

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Hữu Thanh

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Nguyễn Hữu Thanh

GIÁM ĐỐC



Hoàng Văn Tú

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài Chính)

1. Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa
2. Ngành nghề kinh doanh: Xuất bản sách và Khoản mục theo Giấy đăng ký kinh doanh
3. Địa chỉ: 248 Trần Phú - Phường Ba Đình - T.Phố Thanh Hóa
4. Điện thoại: 0237.3.723.797 - 3.722.347 - 3.853.548 Fax: 0237.3.853.548

Biểu 03 - Mẫu số 01

TT'	CÁC CHỈ TIÊU	Cùng kỳ năm	Cùng kỳ năm	Thực hiện năm 2022		Biến động so với (tỷ lệ %)		
		2020	2021	Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ	Cùng kỳ	Kế hoạch
		1	2			năm 2020	năm 2021	năm 2022
				3	4	5=4/1	6=4/2	7=4/3
A Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh								
1	Số lượng sản xuất SP chủ yếu (Cuốn sách)	446	320	526	313	70	98	60
2	Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu (Cuốn sách)	446	320	526	313	70	98	60
3	Tồn kho cuối kỳ (Cuốn sách)	-	-	-	-	-	-	-
B Chỉ tiêu tài chính								
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	7.527.932.193	6.583.232.747	6.345.000.000	6.569.817.494	87	100	104
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-
3	DT thuần về bán hàng và cung cấp DV	7.527.932.193	6.583.232.747	6.345.000.000	6.569.817.494	87	100	104
4	Giá vốn hàng bán	5.415.265.397	4.898.319.694	4.525.000.000	4.818.825.563	89	98	106
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp DV	2.112.666.796	1.684.913.053	1.820.000.000	1.750.991.931	83	104	96
6	Doanh thu hoạt động tài chính	4.117.622	3.604.364	-	2.782.864	68	77	-
7	Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-
8	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.152.762.953	1.814.171.220	1.800.000.000	1.757.732.861	82	97	98
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(35.978.535)	(125.653.803)	20.000.000	(3.958.066)	11	3	(20)
11	Thu nhập khác	57.272.728	38.231.819	-	35.000.001	-	-	-
12	Chi phí khác	15.657.467	70.258.182	-	-	-	-	-
13	Lợi nhuận khác	41.615.261	(32.026.363)	-	35.000.001	-	Trang 6	-

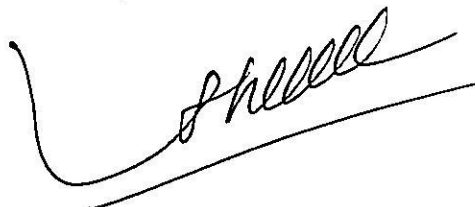
TT	CÁC CHỈ TIÊU	Cùng kỳ năm		Thực hiện năm 2022		Biến động so với (tỷ lệ %)		
		Cùng kỳ năm	Cùng kỳ năm	Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ	Cùng kỳ	Kế hoạch
		2020	2021			năm 2020	năm 2021	năm 2022
		1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7=4/3
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.636.726	(157.680.166)	20.000.000	31.041.935	551	(20)	155
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	-	-	-
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	5.636.726	(157.680.166)	20.000.000	31.041.935	551	(20)	155

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Hữu Thanh

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Nguyễn Hữu Thanh

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 12 năm 2022



GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Tú

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài Chính)

1. Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa
2. Ngành nghề kinh doanh: Xuất bản sách và Khoản mục theo Giấy đăng ký kinh doanh
3. Địa chỉ: 248 Trần Phú - Phường Ba Đình - T.Phố Thanh Hóa
4. Điện thoại: 0237.3.723.797 - 3.722.347 - 3.853.548 Fax: 0237.3.853.548

Biểu 04 - Mẫu số 01

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Cùng kỳ năm 2021	Thực hiện năm 2022		Tỷ lệ so với Kế hoạch	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
			Kế hoạch	Thực hiện		
		1	2	3	4=3/2	5=3/1
1	Khối lượng, sản lượng, sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm (Cuốn)	6	5	5	100	83
2	Khối lượng, sản lượng, sản phẩm dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu	-	-	-	-	-
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu	-	-	-	-	-
4	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm (Triệu đồng)	1.845	2.000	1.790	90	97
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm (Triệu đồng)	1.996	2.000	1.979	99	99

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

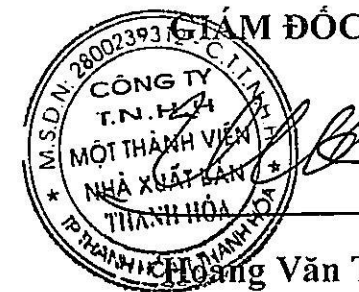


Nguyễn Hữu Thanh

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Nguyễn Hữu Thanh



BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài Chính)

1. Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa
2. Ngành nghề kinh doanh: Xuất bản sách và Khoản mục theo Giấy đăng ký kinh doanh
3. Địa chỉ: 248 Trần Phú - Phường Ba Đình - T.Phố Thanh Hóa
4. Điện thoại: 0237.3.723.797 - 3.722.347 - 3.853.548 Fax: 0237.3.853.548

Biểu 05 - Mẫu số 01

STT	NỘI DUNG	CÓ	KHÔNG
1	Trong năm vừa qua, doanh nghiệp có tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách hay không?	X	
2	Doanh nghiệp có tuân thủ đầy đủ (có quy trình, nhân viên được đào tạo và phổ biến về quy trình, không bị xử phạt hành chính và/hoặc trên hành chính....) các quy định về an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải không?	X	
3	Doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ chế độ chính sách (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN.....) cho người lao động hay không?	X	
4	Doanh nghiệp có bị lập biên bản vi phạm hành chính nào khác liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật không?		X

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Thanh



Nguyễn Hữu Thanh



Hoàng Văn Tú

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài Chính)

1. Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa
2. Ngành nghề kinh doanh: Xuất bản sách và Khoản mục theo Giấy đăng ký kinh doanh
3. Địa chỉ: 248 Trần Phú - Phường Ba Đình - T.Phố Thanh Hóa
4. Điện thoại: 0237.3.723.797 - 3.722.347 - 3.853.548 Fax: 0237.3.853.548

		Biểu 06 - Mẫu số 01		
STT	CHỈ TIÊU	ĐẦU KỲ	CUỐI KỲ	HỆ SỐ BẢO TOÀN VỐN
A	Vốn chủ sở hữu, trong đó:			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Triệu đồng)	1.174	1.205	
2	Quỹ đầu tư phát triển			
3	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
B	Tổng tài sản (Triệu đồng)	6.331	6.084	
C	Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	(157,6)	31	
D	Hiệu quả sử dụng vốn			
1	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)			0,026
2	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)			0,005

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 12 năm 2022

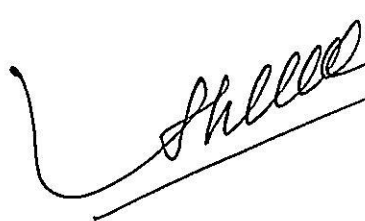
NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KÊ TOÁN

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Thanh



Nguyễn Hữu Thanh



Hoàng Văn Tú

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài Chính)

1. Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa
2. Ngành nghề kinh doanh: Xuất bản sách và Khoản mục theo Giấy đăng ký kinh doanh
3. Địa chỉ: 248 Trần Phú - Phường Ba Đình - T.Phố Thanh Hóa
4. Điện thoại: 0237.3.723.797 - 3.722.347 - 3.853.548 Fax: 0237.3.853.548

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Đơn vị tính: đồng

STT	CÁC CHỈ TIÊU	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp năm 2021	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
A	B	1	2	3	4=(1+2-3)
I	Thuế	21.295.318	392.219.305	298.475.048	115.039.575
1	Thuế GTGT	-	250.818.825	204.080.792	46.738.033
2	Thuế Thu nhập DN		-	-	-
3	Thuế Xuất, nhập khẩu				-
4	Thuế đất		58.383.360	58.383.360	-
5	Các khoản thuế khác		-	-	-
II	Các khoản phải nộp khác				-
	Thuế môn bài		2.000.000	2.000.000	-
	Thuế TNCN	21.295.318	81.017.120	34.010.896	68.301.542
	Các khoản phải nộp khác				-
III	Nộp ngân sách Nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định.				-
IV	Tổng cộng (40=10+30)	21.295.318	392.219.305	298.475.048	115.039.575

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2022

STT	CÁC CHỈ TIÊU	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1	Quỹ đầu tư phát triển				
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi				
3	Quỹ thưởng VCQLDN				
4	Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN				
5	Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

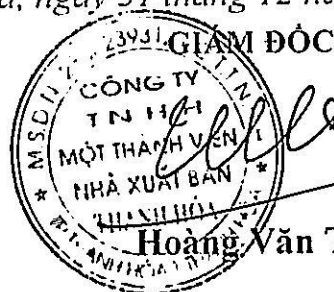
Thanh Hóa, ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Nguyễn Hữu Thanh

Nguyễn Hữu Thanh



Hoàng Văn Tú

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ PHẢI THU NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài Chính)

1. Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa
2. Ngành nghề kinh doanh: Xuất bản sách và Khoản mục theo Giấy đăng ký kinh doanh
3. Địa chỉ: 248 Trần Phú - Phường Ba Đình - T.Phố Thanh Hóa
4. Điện thoại: 0237.3.723.797 - 3.722.347 - 3.853.548 Fax: 0237.3.853.548

STT	DANH SÁCH KHÁCH HÀNG PHẢI THU	SỐ TIỀN	NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI	TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI
1	Các DT thuộc Trường DH Hồng Đức Thanh Hóa	39.600.000		
2	Dương Quốc Trị (Công ty CP Văn hóa Nhân Văn)	32.400.000		
3	Đồng Thị Trà	5.013.600	5.013.600	5.013.600
4	Quầy giới thiệu sách (Bà Tĩnh)	1.435.500	1.435.500	1.435.500
5	Câu lạc bộ Hưu trí Lam Sơn (Trịnh Đức Hiền)	26.000.000	26.000.000	
6	Công ty Sách Việt (Tô Khắc Dạm)	5.300.000	5.300.000	5.300.000
7	Bùi Thanh Vàng	47.000.000	47.000.000	47.000.000
8	Công ty DV- TM Xuân Cầm (Lê Văn Sơn - NS Văn Khoa)	8.700.000		
9	Nguyễn Văn Tuấn (Công ty TNHH In & TB Trường học Thanh Hóa)	9.898.500		
10	Nhà sách Quốc Khánh(Nguyễn Quốc Khánh)	1.680.000	1.680.000	1.680.000
11	Phòng KHSXKD	153.439.663	153.439.663	
12	Đình Đức Vương (Công ty TNHH TM&PT CN Hòa Bình)	900.000	900.000	
13	Bùi Kim Quy	1.900.000	1.900.000	1.900.000
14	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	2.000.000		
15	Đài truyền hình Thường Xuân	5.064.500	5.064.500	5.064.500
16	Công ty CP In Báo Thanh Hóa	7.400.000		
17	Đặng Xuân Xuyên	9.000.000	9.000.000	9.000.000
18	Lê Minh	7.367.000		
19	Cao Như Quỳnh (Công ty TNHH Việt S.O.L.A.R)	2.500.000	2.500.000	
20	Hoàng Thị Hạnh	9.530.000	9.530.000	9.530.000
21	Hoàng Toàn (Công ty TNHH MTV Khang Việt)	-		
22	Công ty TNHH I TV Văn hóa Gia An	585.000	585.000	585.000
23	Công ty TNHH Châu Phong	2.436.000	2.436.000	2.436.000
24	Nguyễn Hùng Dũng	40.000.000	40.000.000	40.000.000
25	Nguyễn Đình Khả	9.900.000	9.900.000	9.900.000
26	Nhà xuất bản Từ Điển Bách Khoa	4.000.000	4.000.000	4.000.000
27	Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa	-	-	
28	Vũ Dũng (Công ty TNHH Việt Khang)	24.075.000	24.075.000	24.075.000
29	Nguyễn Hữu Cừ (Sách Lê Lợi - Thơ Thanh Hóa)	952.000	952.000	952.000
30	Nguyễn Hữu Cừ (Công ty TNHH VH Hương Trang)	8.656.000	8.656.000	8.656.000
31	Trần Thị Anh Thư (Trần Thu Nguyệt - Nhà sách Minh Nguyệt)	31.210.000		
32	Lê Đình Thám (Quảng Lợi - Quảng Xương)	-	-	
33	Nguyễn Đình Bón	9.454.000	9.454.000	9.454.000
34	Nguyễn Hải Bằng (Công ty CP Truyền Thông Thịnh Phát)	2.400.000	2.400.000	2.400.000
35	Cơ quan UBND huyện Thường Xuân	4.400.000	4.400.000	

STT	DANH SÁCH KHÁCH HÀNG PHẢI THU	SỐ TIỀN	NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI	TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI
36	Công ty TNHH VH truyền thông Trí Việt	5.100.000	5.100.000	5.100.000
37	Nguyễn Ngọc Triệu (Nhà sách Triệu Minh)	-		
38	Công ty TNHH Đông Nam	26.300.000	26.300.000	
39	Hoàng Ngọc Bật	402.000	402.000	402.000
40	Viên Thị Lan Anh (Quê hương yêu dấu - Bút ký)	17.000.000		
41	Hoàng Huệ Thụ	960.000	960.000	960.000
42	Công ty văn hóa Phương Bắc	3.400.000	3.400.000	3.400.000
43	Công ty mỹ thuật Phương Nam(Hoàng Mạnh Tường)	17.000.000	17.000.000	
44	Nguyễn Thị Phương Chi (Linh hồn Nam Kha)	-		
45	Lê Xuân Lợi (Công ty CP in CN Cao Đức Phương)	3.950.000		
46	Phạm Văn Liệu sách "Hoa Dã Quỳ"	8.800.000		
47	Nguyễn Xuân Pháp (Dòng Xi Tô Thánh Mẫu - Bình Thuận)	3.500.000		
48	Huỳnh Thị Xuân Thu (Nhà sách Đình Tiên Hoàng)	22.125.000	22.125.000	
49	Phùng Khắc Sơn (Nhà sách Hội Vĩ)	3.444.000	3.444.000	3.444.000
50	Huỳnh Thị Kim Nhung (NS Tư Nhân)	7.500.000	7.500.000	7.500.000
51	Trần Minh Vương (Nhà sách Minh Vĩ)	65.585.000		
52	Trương Hương Thu (Nhà sách Thế giới Điện Ảnh)	11.900.000	11.900.000	11.900.000
53	Công ty CP Phát hành Tây Hà Nội (Lê Thế Quý)	1.000.000	1.000.000	1.000.000
54	Nhà sách Tân Sơn Nhất (Hoàng Đình Duy)	2.500.000	2.500.000	2.500.000
55	Nhà sách Kiến Thức (Dương Tắt Thắng)	8.760.000	8.760.000	8.760.000
56	Lê Bá Nghênh (Thơ cha - Thơ con)	12.750.000		
57	Công ty QC truyền thông Thăng Long (Đặng Đình Thiện)	12.200.000		
58	Nhà sách Bảo Nhi (Trịnh Thế Dũng)	1.400.000	1.400.000	1.400.000
59	Làng Phong Lai	-		
60	Nhà xuất Bản Nghệ An	2.160.000	2.160.000	2.160.000
61	Trịnh Thị Miếu (sách Tình quê - Thơ)	2.980.000	2.980.000	
62	UBND huyện Triệu Sơn	-	-	
63	Cửa hàng sách Quốc Long (Dỗ Quốc Hưng)	11.640.000	11.640.000	11.640.000
64	Công ty Văn hóa Văn Lang (Vũ Đình Hòa)	13.000.000		
65	Nhà sách Hoàn Vũ (Vũ Hùng - Vũ Trung Long)	35.074.286		
66	Công ty TMDV SIMTÂN	2.500.000	2.500.000	2.500.000
67	Nguyễn Mạnh Hùng (Sở Thông tin & Truyền thông TH)	5.943.420		
68	Hà Thị Cẩm Anh	7.000.000		
69	Đình Tấn Thành (Nhà sách Kim Hương)	8.000.000		
70	Lò Thị Thương	1.800.000	1.800.000	1.800.000
71	Nguyễn Mạnh Hùng -TP Hồ Chí Minh (Tiền lịch)	2.400.000	2.400.000	2.400.000
72	Công ty CPĐTTM In&QC T&T (Hoàng Anh Tuấn)	12.700.000		
73	Lê Thế Thọ (Làng Nam Thượng - Thọ Xuân)	5.000.000		

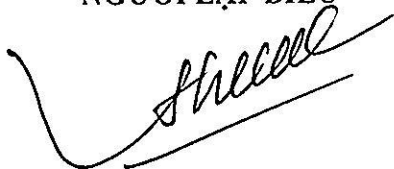
STT	DANH SÁCH KHÁCH HÀNG PHẢI THU	SỐ TIỀN	NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI	TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI
74	Lê Thị Hường (Tiền thuê quầy)	-		
75	Chu Thị Nương (BQL Di tích Cổ Loa Hà Nội)	5.000.000	5.000.000	
76	UBND xã Thọ Minh	42.000.000		
77	Nguyễn Hữu Ngón	4.950.000	4.950.000	4.950.000
78	Hoàng Thăng Ngói (Linh tích Sầm Sơn)	9.800.000	9.800.000	
79	Trần Văn Lực (sách luyện thi vào lớp 10)	96.250.000		
80	Trung tâm DNTT lái xe ĐB (Nguyễn Huy Bang)	549.182		
81	DNTN Sản xuất TM Huy Chúc (Nguyễn Đắc Huy)	6.904.000		
82	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hóa	-		
83	Công ty In TM Trường Xuân	1.000.000		
84	Vườn Quốc gia Bến En	130.000.000		
85	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Thạch Thành	110.815.000		
86	Công ty TNHH In Đông Á (Lê Tất Thắng)	31.449.138		
87	Hoàng Mạnh Hùng (Ban liên lạc N237-Hội CTNXP T.Hóa)	500.000	500.000	500.000
88	Ban Dân vận Tỉnh ủy Thanh Hóa	-		
89	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đông Sơn	87.500.000	87.500.000	
90	Công ty TNHH In và TM Cường Hiếu	8.821.000		
91	Nguyễn Thanh Tùng (Công ty QC Biên Đông)	1.000.000	1.000.000	1.000.000
92	Trần Nhật Thương (Xưởng vẽ Phan Bào)	500.000	500.000	500.000
93	Các đối tác Thanh Hóa	-		
94	Phạm Xuân Khang	-		
95	Công ty TNHH Giáo dục Điện tử Thông Minh (Nguyễn T.Mỹ Hạ)	1.000.000	1.000.000	
96	UBND xã Quảng Giao	27.750.000	27.750.000	
97	Nhà sách Nguyễn Ba	29.808.000	29.808.000	29.808.000
98	UBND xã Thạch Bình	82.600.000		
99	Vũ Mạnh Tường (Công ty CP Truyền Thông MTV)	3.000.000	3.000.000	3.000.000
100	Hoàng Kiên	-		
101	Huyện ủy Quan Hóa	-	-	
102	Công ty CP Toàn Cầu (Trương Đức Vỹ Nhật)	43.152.000	43.152.000	43.152.000
103	Công ty CP sách GD Bắc Hà (Nguyễn Công Cát)	3.000.000	3.000.000	3.000.000
104	Thị ủy Nghi Sơn	-		
105	Đặng Minh Thông (Công ty TNHH SX TM Minh Tiến)	1.200.000	1.200.000	
106	Trường Cao Đẳng nghề CN Thanh Hóa	700.000	700.000	700.000
107	Bảo hiểm Xã hội tỉnh Thanh Hóa	-		
108	Nguyễn Thị Tiến (NS Việt Mỹ)	800.000	800.000	800.000
109	Hoàng Văn Cường (Công ty CPĐTPT Sông Mã)	6.600.000	6.600.000	6.600.000
110	Nguyễn Trọng Quỳnh (Hội những người yêu thơ tỉnh T.Hóa)	48.425.000		
111	Nguyễn Thanh Tùng (Công ty Thiên Ý)	-		
112	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	7.130.572		
113	Huyện ủy Triệu Sơn	-		
114	Nguyễn Cẩm Hương	700.000	700.000	700.000
115	Tạ Quang Huy (Công ty TNHH MTV Trí Tuệ - TP.HCM)	-		

STT	DANH SÁCH KHÁCH HÀNG PHẢI THU	SỐ TIỀN	NỢ PHẢI THU KHÓ ĐỔI	TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐỔI
116	Sách đặt hàng (Sở tài Chính - Sở TT & TT.T.Hóa)	1.979.335.000		
117	Huyện ủy Thọ Xuân	-		
118	Nguyễn Đình Thọ (Công ty CPVH Kinh Bắc)	2.550.000		
119	Phạm T.Ngọc Tuyết (Công ty TNHH TM&DV VH Giáo dục PN)	4.000.000		
120	Trường Đào Duy Từ	-		
121	Bùi Nguyễn Hoài Ân (Công ty TNHH TMDV In ấn Sinh Danh)	13.800.000		
122	Võ Đình Dạm - TP. HCM	10.000.000		
123	Hoàng Kim Anh (Công ty CP In QC & Truyền thông Thủy An)	500.000	500.000	500.000
124	Công an tỉnh Thanh Hóa	-		
125	UBND xã Thiệu Chính	-		
126	Lê Giang Ky (Điều phải nói)	-		
127	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	-		
128	Bùi Việt Hải (Công ty TNHH QC - In ấn - TCSK Vĩnh Phúc)	2.000.000		
129	Công ty CP sách Bách Việt (Lê Thanh Huy)	6.700.000		
130	Công ty TNHH Hải Liên (Nguyễn Hải Đăng)	900.000	900.000	900.000
131	Nguyễn Thanh Hương (Sách Thủ Dị - TP. Hồ Chí Minh)	1.200.000		
132	KC Mạnh Hùng	6.600.000		
133	Công ty TNHH SXTMDV Tân Thuận Tiến (Đỗ Phước Thuận)	24.500.000		
134	Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa	96.900.000		
135	Nguyễn Mạnh Tường (Công ty TNHH TMDV TKQC Phúc Thịnh)	-		
136	Nguyễn Minh Triết (NS Minh Triết)	3.000.000	3.000.000	3.000.000
137	Phạm Xuân Cừ	550.000		
138	Huyện ủy Thường Xuân	-		
139	Hoàng Sỹ Khiêm (Bức tranh quê - Thơ) Hoàng Khánh - T.Hóa	500.000	500.000	500.000
140	DNTN TMDV Văn hóa Thanh Hoa (Nguyễn T.Thanh Hoa)	1.000.000	1.000.000	1.000.000
141	Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa	-		
142	UBND xã Xuân Bái	-		
143	Đỗ Thị Hồng (NS Mười Chín)	-		
144	Mai Văn Minh (CLB Hưu trí CQ Dân Chính Đảng TPTH)	1.035.000		
145	Nguyễn Phúc Toàn (Công ty CPĐT&PT GD Phương Đông)	2.000.000		
146	Bùi Tiến An (Cty TNHH Quảng cáo, in ấn Trần Anh)	-		
147	Trần Văn Đức (Sau lũy tre làng - Thơ) - Hoàng Hùng	-	-	-
148	Công ty TNHH MTV TM&DV Nhân Trí Việt (Trần Đức Nam)	30.250.000		
149	Công ty CPQC Truyền thông Thái Bình Dương (Lê T.Hồng Nhung)	20.821.000		
150	Nguyễn Thanh Giang (Công ty TNHH Sách Panda)	1.500.750		
151	Hội đồng Anh TP. Hồ Chí Minh (Nguyễn Thái Hạnh)	500.000	500.000	500.000
152	Công ty CP STD Việt Nam (Nguyễn Minh Toàn)	500.000	500.000	500.000
153	Huyện ủy Hậu Lộc	39.996.000		
154	Nguyễn Đình Nam (Cty TNHH SX, in ấn Tuấn Nam)	-		
155	Nguyễn Công Sơn (NS Việt Trí - TP.HCM)	4.300.000		
156	Nguyễn Thông (Công ty TNHH TM Khoa Kim)	1.500.000	1.500.000	1.500.000
157	Mai Thị Thu Hà (Công ty TNHH QC & In Phúc Nguyễn)	-		
158	Bùi Thị Vân Anh - Công ty TNHH MTV Hải Vương	300.000		
159	UBND xã Thọ Thanh	5.000.000		

STT	DANH SÁCH KHÁCH HÀNG PHẢI THU	SỐ TIỀN	NỢ PHẢI THU KHÓ ĐỔI	TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐỔI
160	Nguyễn Khắc Nam (Công ty TNHH TMDV Quảng cáo VI VI)	-		
161	Nguyễn Ngọc Lâm (Công ty CPTM Mỹ thuật MTM Hà Nội)	778.182		
162	Bùi Quốc Hồng (Công ty TNHH SXTM QC Tân Đất Việt)	4.200.000		
163	Đỗ Hiệp Tuấn (Công ty TNHH Thái Toàn Hưng)	-		
164	Đình Quang Tùng (Công ty TNHH MTV Đình Nguyên Phát)	6.003.000		
165	Bùi Minh Công (Hộ Kinh doanh Mê Kông Việt)	-		
166	Trần Xuân Hồng (Thơ tình Xuân Hồng)	-		
166	UBND xã Nga Thạch	-		
166	Hoàng Thị Hằng (Công ty TNHH VH Cội nguồn Việt Nam)	68.000.000		
166	Lò Thanh Tuấn (Sách Chi bộ thôn Thượng Sơn)	14.000.000		
166	Thượng tọa Thích Tâm Đức	-		
166	Lê Tuấn Lộc	-		
166	Huyện ủy Thạch Thành	-		
166	Nguyễn Công Bình (Trung tâm KDKTATM TB N.Nghiệp)	1.000.000		
166	Huỳnh Thiện Thơ (Cty SX Cát Thành)	5.000.000		
166	Lê Đình Bằng (Tỉnh Lặng - Thơ)	12.000.000		
166	Đào Hữu Duy Anh (Công ty CPTDHC Đức Giang)	2.600.000		
166	Lê Văn Hữu (Nắng muộn - Thơ)	-		
166	Lê Thị Nga - Nguyễn Lý Tường (Cách làm Văn 9)	-		
	Cộng	4.028.193.293	746.252.263	358.357.600

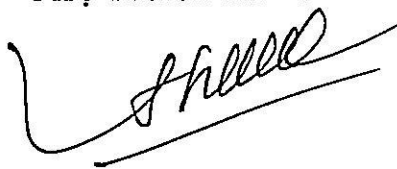
Thanh Hóa, ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Hữu Thanh

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Nguyễn Hữu Thanh



GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Tú

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ PHẢI THU NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài Chính)

1. Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa
2. Ngành nghề kinh doanh: Xuất bản sách và Khoản mục theo Giấy đăng ký kinh doanh
3. Địa chỉ: 248 Trần Phú - Phường Ba Đình - T.Phố Thanh Hóa
4. Điện thoại: 0237.3.723.797 - 3.722.347 - 3.853.548 Fax: 0237.3.853.548

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ NỢ PHẢI THU (TK 141)	NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI	TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI
1	Lê Trí Duẩn (Ban NCLS Thanh Hóa)	5.000.000	-	-
2	Lê Đăng Sơn	2.000.000	-	-
3	Phùng Sĩ Tài	10.000.000	-	-
4	Phan Bảo	5.000.000	-	-
5	Nguyễn Hữu Thanh	1.000.000	-	-
6	Hoàng Văn Tú	13.000.000	-	-
		-	-	-
		-	-	-
	TỔNG HỢP	36.000.000	-	-

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 12 năm 2022

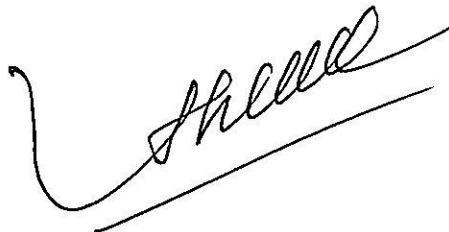
NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Thanh



Nguyễn Hữu Thanh



Hoàng Văn Tú

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài Chính)

1. Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa
2. Ngành nghề kinh doanh: Xuất bản sách và Khoản mục theo Giấy đăng ký kinh doanh
3. Địa chỉ: 248 Trần Phú - Phường Ba Đình - T.Phố Thanh Hóa
4. Điện thoại: 0237.3.723.797 - 3.722.347 - 3.853.548 Fax: 0237.3.853.548

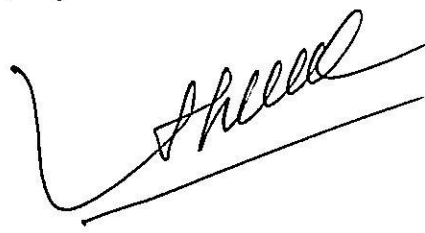
TT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ NỢ PHẢI TRẢ	NỢ ĐẾN HẠN	NỢ QUÁ HẠN
1	Công ty CP Văn Hóa Văn Lang (Vũ Đình Hòa)	84.132.000	84.132.000	
2	Công ty In TM Trường Xuân	3.834.794.420	3.834.794.420	
3	Công ty CP Văn hóa Nhân Văn	26.200.000	26.200.000	
4	Bưu điện tỉnh Thanh Hóa (Tiền gửi sách đặt hàng)	107.640.986	107.640.986	
5	Công ty TNHH TM& Vận tải Thùy Chi	29.999.989	29.999.989	
6	Công ty TNHH SX, TM Dịch vụ và Công nghệ Duy An	52.106.277	52.106.277	
7	Hoàng Đình Trí	37.912.342	37.912.342	
	TỔNG HỢP	4.172.786.014	4.172.786.014	-

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Thanh

Nguyễn Hữu Thanh

Hoàng Văn Tú

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ XUẤT BẢN
THANH HÓA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo Kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 –28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên nhà xuất bản Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty TNHH một thành viên nhà xuất bản Thanh Hóa, là một doanh nghiệp, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800239312 đăng ký lần đầu vào ngày 18 tháng 04 năm 2011 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 13 tháng 01 năm 2014.

Trụ sở chính của công ty: Số 248 Trần Phú, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá, Thanh Hoá, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 1.493.217.000 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng)

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- . Xuất bản sách;
- . In ấn;
- . Dịch vụ liên quan đến in;
- . Sao chép bản ghi các loại;
- . Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
- . Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ;
- . Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ;
- . Hoạt động xuất bản khác;
- . Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- . Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo và truyền thông.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Các thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập Báo cáo gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Hoàng Văn Tú	Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn APEC là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

Số 248 Trần Phú, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và cam kết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong những năm tới.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền, hàng tồn kho, công nợ phải thu phải trả, tài sản cố định tại ngày 31/12/2022 trên Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

Công ty TNHH một thành viên nhà xuất bản Thanh Hóa



Hoàng Văn Tú
Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 03 năm 2023



Số: 083.02/2023/BCKT-APEC

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
của Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa*

Kính gửi: Ban Giám đốc

Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn APEC, đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên nhà xuất bản Thanh Hóa được lập ngày 24 tháng 03 năm 2023 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi theo qui định tại Thông tư 48/2018/TT-BTC với số tiền phải trả là: 1.309.438.866 đồng (giá trị nợ khó đòi là: 1.413.389.801 đồng). Việc chưa ghi nhận khoản trích dự phòng này có ảnh hưởng đáng kể tới các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính như kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận sau thuế và chỉ tiêu "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành".

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN APEC

Thay mặt và đại diện



Nguyễn Hồng Sơn

Phó giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1449-2021-095-1

Mái Quang Hợp

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2050-2021-095-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.033.893.621	6.266.400.665
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.893.394.519	3.969.415.015
1. Tiền	111	V.01	1.893.394.519	3.969.415.015
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.064.193.293	2.278.845.413
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	4.028.193.293	2.262.845.413
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	36.000.000	16.000.000
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		76.305.809	18.140.237
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	76.305.809	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	18.140.237
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.236.191	64.749.066
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	-	-
- Nguyên giá	222		468.538.900	468.538.900
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(468.538.900)	(468.538.900)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		50.236.191	64.749.066
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05	50.236.191	64.749.066
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.084.129.812	6.331.149.731

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.878.875.106	5.156.936.960
I. Nợ ngắn hạn	310		4.878.875.106	5.156.936.960
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.06	4.172.786.014	4.456.399.955
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.07	9.063.500	13.063.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.08	115.039.575	21.295.318
4. Phải trả công nhân viên	314		204.580.904	61.303.378
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.09	377.405.113	604.874.809
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.205.254.706	1.174.212.771
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	1.205.254.706	1.174.212.771
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.455.487.352	1.455.487.352
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(250.232.646)	(281.274.581)
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.084.129.812	6.331.149.731

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Thanh

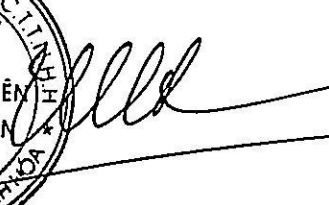
Phụ trách kế toán



Nguyễn Hữu Thanh



Giám đốc



Hoàng Văn Tú

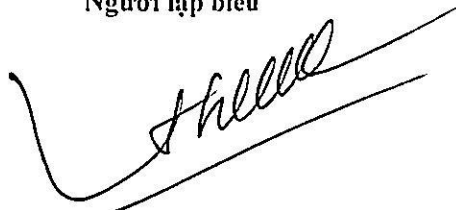
BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.569.817.494	6.583.232.747
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	6.569.817.494	6.583.232.747
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	4.818.825.563	4.898.319.694
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.750.991.931	1.684.913.053
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.782.864	3.604.364
7. Chi phí tài chính	22	VI.5		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	1.757.732.861	1.814.171.220
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.958.066)	(125.653.803)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	35.000.001	38.231.819
12. Chi phí khác	32	VI.7	-	70.258.182
13. Lợi nhuận khác	40		35.000.001	(32.026.363)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.041.935	(157.680.166)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		31.041.935	(157.680.166)

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Thanh

Phụ trách kế toán



Nguyễn Hữu Thanh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Theo phương pháp gián tiếp
 Năm 2022

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
	Đơn vị tính: VNĐ	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	(2.076.020.496)	(701.599.186)
1. Lợi nhuận trước thuế	31.041.935	(157.680.166)
2. Điều chỉnh cho các khoản	-	-
+ Khấu hao tài sản cố định	-	-
+ Các khoản dự phòng	-	-
+ (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	-	-
+ Chi phí lãi vay	-	-
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	31.041.935	(157.680.166)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(1.767.207.643)	(142.483.927)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	-	15.822.285
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(278.061.854)	(408.607.590)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	(61.792.934)	(7.159.195)
- Tiền lãi vay đã trả	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(1.490.593)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu,	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(2.076.020.496)	(701.599.186)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3.969.415.015	4.671.014.201
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1.893.394.519	3.969.415.015

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc

Nguyễn Hữu Thanh

Nguyễn Hữu Thanh

Hoàng Văn Tú



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên nhà xuất bản Thanh Hóa là một doanh nghiệp, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2800239312 đăng ký lần đầu vào ngày 18 tháng 04 năm 2011 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 13 tháng 01 năm 2014.

Trụ sở chính của công ty: Số 248 Trần Phú, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 1.493.217.000 đồng

(Bằng chữ : Một tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu hai trăm mười bảy nghìn)

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Xuất bản sách;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sao chép bản ghi các loại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
- Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ;
Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ;
- Hoạt động xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo và truyền thông.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung TT200/2014/TT-BT

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành phù hợp với hoạt động của Doanh nghiệp. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung trên máy tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán để thực hiện ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ. Việc áp dụng từng loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán tại Công ty tuân thủ theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền:

- a) Là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;
- b) Trường hợp không xác định được lãi suất theo điểm a nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất doanh nghiệp có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng kế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**a) Chứng khoán kinh doanh**

- Là các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:
 - Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
 - Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.
- Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:
 - Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
 - Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.
- Căn cứ trích lập dự phòng giảm giá: Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, thì loại chứng khoán này được lập dự phòng giảm giá.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, sau ghi nhận theo giá gốc ban đầu, được ghi nhận theo giá trị hợp lý (bằng giá gốc sau khi đã điều chỉnh theo giá trị tổn thất)
- Tổn thất được xác định theo (BCTC của doanh nghiệp phát hành trái phiếu/cổ phiếu ưu đãi/ngân hàng nhận tiền gửi.../hoặc theo giá thị trường). Nếu tổn thất xác định được một cách tin cậy sẽ ghi giảm khoản đầu tư. Sau khi đã ghi nhận tổn thất, nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy khoản tổn thất có thể thu hồi lại, thì khoản tổn thất đã ghi sẽ được hoàn lại (cho đến mức bằng tổng số tổn thất đã ghi nhận các kỳ trước) (theo CMKTQT: nếu thu hồi cao hơn giá gốc thì phần cao hơn sẽ giữ lại trên TK 412 – không ghi vào thu nhập)
- Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ:

Tỷ giá áp dụng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác là tỷ giá mua của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- Tiêu chí phân loại các khoản phải thu:
 - a) Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản....
 - b) Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
 - c) Phải thu khác là các khoản phải thu còn lại không được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ.
 - d) Khoản cho vay được phân loại là khoản phải thu khi lập BCTC
- Khoản phải thu của khách hàng được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.
- Các khoản phải thu có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (*dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh*) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là tài sản ngắn hạn; các khoản phải thu còn lại không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại là dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải thu được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.
- Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại ABC (nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch)
- Nợ phải thu không được ghi nhận cao hơn giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập BCT là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo đúng qui định hiện hành.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

a) Nguyên tắc kế toán TSCĐ HH, TSCĐ VH:

- Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;
- Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Số phải khấu hao tính theo nguyên giá (hoặc bằng nguyên giá trừ đi chi phí khi thanh lý). Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày

25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định). Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

- Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐHH, TSCĐVH theo hướng dẫn tại TT 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014

9. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.

a) Nguyên tắc kế toán Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi Công ty dự tính chắc chắn có được lợi ích tính thuế thu nhập trong tương lai đối với các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ/khoản lỗ tính thuế/ưu đãi thuế chưa sử dụng.
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20%
- Công ty không thực hiện bù trừ TS thuế thu nhập hoãn lại với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả do không cùng đối tượng và cơ quan thuế quản lý.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận sẽ được đánh giá lại để ghi nhận bổ sung, làm giảm chi phí thuế hoãn lại, khi Công ty dự tính chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

b) Nguyên tắc kế toán thuế TNDN phải trả:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tạm thời chịu thuế. Khoản chênh lệch tạm thời này làm phát sinh khoản thuế thu nhập phải trả khi xác định thu nhập chịu thuế trong tương lai (khi giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán)
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20%
- Công ty không thực hiện bù trừ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả với TS thuế thu nhập hoãn lại do không cùng đối tượng và cơ quan thuế quản lý.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

- Chi phí trả trước, phương pháp phân bổ và thời gian phân bổ - kỳ hạn phân bổ của Công ty như sau:

Số TT	Loại chi phí	Phương pháp phân bổ	Thời gian phân bổ
1	Chi phí quảng cáo trước hoạt động	Theo sản lượng sản xuất	36 tháng
2	Chi phí đào tạo	Theo dự toán	36 tháng
3	Chi phí bảo hiểm	Theo đường thẳng	Theo hợp đồng (nếu cụ thể từng loại...)
4	Chi phí lãi trái phiếu/lãi vay...	Theo đường thẳng	Theo kỳ hạn khi phát hành/khi vay...
5	Chi phí khấu hao tài sản cố định	Theo đường thẳng	Theo từng loại tài sản cụ thể

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

- Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.
- Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.
- Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (*dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh*) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.
- Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại ABC (nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch)
- Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.
- Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.
- Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

- Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.
- Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ
- Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”;
- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Trong năm Công ty có các khoản chi phí phải trả chủ yếu như sau: (nêu rõ theo thực tế)

- Trích trước tiền lương nghỉ phép – được xác định trên số ngày nghỉ phép còn lại và mức lương tương ứng phải trả của toàn bộ lao động trong Công ty;
- Trích trước chi phí điện, nước tháng 12 – được tạm tính theo mức tiêu thụ của tháng 11 (hoặc theo cùng kỳ năm trước/ hoặc....):

- Trích trước chi phí thầu phụ - được xác định theo hợp đồng ký với thầu phụ để đảm bảo doanh thu phù hợp với chi phí;
- Trích trước chi phí tạm tính giá vốn sản phẩm hàng hóa BDS- được xác định theo dự toán ...
- Trích trước chi phí lãi vay – được xác định theo số ngày còn lại trong năm chưa tính lãi nhân với lãi suất ghi trong hợp đồng vay

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

- Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày lập BCTC.
- Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.
- Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện.

- Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trên cơ sở:
 - Là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản;
 - Là khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ;
 - Là khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay;
 - Là khoản chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thông;
- Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ đều vào thu nhập trong năm theo kỳ hạn của chúng khi phát sinh.

17. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt hai cấu phần: phần nợ gốc được ghi nhận là nợ phải trả, và phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.
- Lãi suất sử dụng để chiết khấu dòng tiền là *Lãi suất của trái phiếu Chính phủ trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không chuyển đổi lãi suất đi vay phổ biến tại thời điểm phát hành* nên đảm bảo độ tin cậy.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phản ánh cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành.

b) Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.

c) Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh giai đoạn trước hoạt động của Công ty (chỉ áp dụng đối với DN do NN nắm 100% VDL có thực hiện dự án công trình trọng điểm quốc gia gắn với nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh, quốc phòng)

d) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước..

- Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông/của Hội đồng thành viên

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu bán hàng: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng: Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng. (hoặc theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành / hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng).

e) Thu nhập khác: Thu nhập khác là các khoản làm tăng lợi ích của Công ty ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, như: thu thanh lý tài sản, khoản tiền thưởng từ khách hàng (không ghi tăng doanh thu) tiền bảo hiểm...

20. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.
- Các khoản giảm trừ doanh thu thuộc kỳ báo cáo được ghi giảm doanh thu trong kỳ, trừ trường hợp phát hiện sai sót sau khi đã phát hành báo cáo sẽ được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

21. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

- Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt trên mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.
- Trong kỳ các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán bao gồm: *hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho; trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho; hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa BĐS được xác định là đã bán; chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ; thuế XNK, thuế TTĐB, thuế MT đã tính vào giá trị hàng mua nay xuất bán được hoàn lại*

22. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí bán hàng phản ánh toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa dịch vụ của Công ty như: chi phí chào hàng, quảng cáo, giới thiệu, trưng bày sản phẩm, bảo hành, bảo quản đóng gói, vận chuyển...(không bao gồm bảo hành công trình xây dựng)
- Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty...
- Chi phí quản lý được ghi giảm trong kỳ gồm: *hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, hoàn nhập dự phòng phải trả, các khoản thu lại tiền điện thoại vượt khoản.*

24. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp
- Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
1 . Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	8.597.852	159.768.421
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.884.796.667	3.809.646.594
Cộng	1.893.394.519	3.969.415.015
2 . Phải thu khách hàng		
a) Ngắn hạn	4.028.193.293	2.262.845.413
- Các ĐT thuộc Trường ĐH Hồng Đức Thanh Hóa	39.600.000	-
- Dương Quốc Trị (Công ty CP Văn hóa Nhân Văn)	32.400.000	45.287.143
- Đồng Thị Trà	5.013.600	5.013.600
- Quầy giới thiệu sách (Bà Tĩnh)	1.435.500	1.435.500
- Câu lạc bộ Hưu trí Lam Sơn (Trịnh Đức Hiền)	26.000.000	-
- Công ty Sách Việt (Tô Khắc Đạm)	5.300.000	5.300.000
- Bùi Thanh Vàng	47.000.000	47.000.000
- Công ty DV- TM Xuân Cẩm (Lê Văn Sơn - NS Văn Khoa)	8.700.000	10.200.000
- Nguyễn Văn Tuấn (Công ty TNHH In & TB Trường học Thanh Hóa)	9.898.500	-
- Nhà sách Quốc Khánh(Nguyễn Quốc Khánh)	1.680.000	1.680.000
- Phòng KHSXKD	153.439.663	153.439.663
- Đinh Đức Vương (Công ty TNHH TM&PT CN Hòa Bình)	900.000	900.000
- Bùi Kim Quy	1.900.000	1.900.000
- Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	2.000.000	-
- Đài truyền hình Thường Xuân	5.064.500	5.064.500
- Công ty CP In Báo Thanh Hóa	7.400.000	10.267.227
- Đặng Xuân Xuyên	9.000.000	9.000.000
- Lê Minh	7.367.000	7.367.000
- Cao Như Quỳnh (Công ty TNHH Việt S.O.L.A.R)	2.500.000	2.500.000
- Hoàng Thị Hạnh	9.530.000	9.530.000
- Hoàng Toàn (Công ty TNHH MTV Khang Việt)	-	6.000.000
- Công ty TNHH I TV Văn hóa Gia An	585.000	585.000
- Công ty TNHH Châu Phong	2.436.000	2.436.000
- Nguyễn Hùng Dũng	40.000.000	40.000.000
- Nguyễn Đình Khả	9.900.000	9.900.000
- Nhà xuất bản Từ Điển Bách Khoa	4.000.000	4.000.000
- Vũ Dũng (Công ty TNHH Việt Khang)	24.075.000	24.075.000
- Nguyễn Hữu Cừ (Sách Lê Lợi - Thơ Thanh Hóa)	952.000	952.000
- Nguyễn Hữu Cừ (Công ty TNHH VH Hương Trang)	8.656.000	8.656.000
- Trần Thị Anh Thư (Trần Thu Nguyệt - Nhà sách Minh Nguyệt)	31.210.000	31.510.000
- Lê Đình Thám (Quảng Lợi - Quảng Xương)	-	800.000
- Nguyễn Đình Bồn	9.454.000	9.454.000
- Nguyễn Hải Bằng (Công ty CP Truyền Thông Thịnh Phát)	2.400.000	2.400.000

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

248 Trần Phú, phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

- Cơ quan UBND huyện Thường Xuân	4.400.000	4.400.000
- Công ty TNHH VH truyền thông Trí Việt	5.100.000	5.100.000
- Công ty TNHH Đông Nam	26.300.000	-
- Hoàng Ngọc Bật	402.000	402.000
- Viên Thị Lan Anh (Quê hương yêu dấu - Bút ký)	17.000.000	-
- Hoàng Huệ Thụ	960.000	960.000
- Công ty văn hóa Phương Bắc	3.400.000	3.400.000
- Công ty mỹ thuật Phương Nam(Hoàng Mạnh Tường)	17.000.000	17.000.000
- Lê Xuân Lợi (Công ty CP in CN Cao Đức Phương)	3.950.000	3.950.000
- Phạm Văn Liệu sách "Hoa Dã Quỳ"	8.800.000	8.800.000
- Nguyễn Xuân Pháp (Dòng Xí Tô Thánh Mẫu - Bình Thuận)	3.500.000	3.500.000
- Huỳnh Thị Xuân Thu (Nhà sách Đình Tiên Hoàng)	22.125.000	22.125.000
- Phùng Khắc Sơn (Nhà sách Hội Vũ)	3.444.000	3.444.000
- Huỳnh Thị Kim Nhung (NS Tư Nhân)	7.500.000	7.500.000
- Trần Minh Vương (Nhà sách Minh Vũ)	65.585.000	65.585.000
- Trương Hương Thu (Nhà sách Thế giới Điện Ảnh)	11.900.000	11.900.000
- Công ty CP Phát hành Tây Hà Nội (Lê Thế Quý)	1.000.000	1.000.000
- Nhà sách Tân Sơn Nhất (Hoàng Đình Duy)	2.500.000	2.500.000
- Nhà sách Kiến Thức (Dương Tất Thắng)	8.760.000	8.760.000
- Lê Bá Nghênh (Thơ cha - Thơ con)	12.750.000	-
- Công ty QC truyền thông Thăng Long (Dặng Đình Thiện)	12.200.000	12.200.000
- Nhà sách Bao Nhi (Trịnh Thế Dũng)	1.400.000	1.400.000
- Nhà xuất Bản Nghệ An	2.160.000	2.160.000
- Trịnh Thị Miều (sách Tình quê - Thơ)	2.980.000	2.980.000
- Cửa hàng sách Quốc Long (Đỗ Quốc Hưng)	11.640.000	11.640.000
- Công ty Văn hóa Văn Lang (Vũ Đình Hòa)	13.000.000	133.542.117
- Nhà sách Hoàn Vũ (Vũ Hùng - Vũ Trung Long)	35.074.286	35.074.286
- Công ty TMDV SIMTÂN	2.500.000	2.500.000
- Nguyễn Mạnh Hùng (Sở Thông tin & Truyền thông TH)	5.943.420	1.000.000
- Hà Thị Cẩm Anh	7.000.000	7.000.000
- Đinh Tấn Thành (Nhà sách Kim Hương)	8.000.000	8.000.000
- Lò Thị Thương	1.800.000	1.800.000
- Nguyễn Mạnh Hùng -TP Hồ Chí Minh (Tiền lịch)	2.400.000	2.400.000
- Công ty CPĐTTM In&QC T&T (Hoàng Anh Tuấn)	12.700.000	11.700.000
- Lê Thế Thọ (Làng Nam Thượng - Thọ Xuân)	5.000.000	5.000.000
- Chu Thị Nương (BQL Di tích Cổ Loa Hà Nội)	5.000.000	5.000.000
- UBND xã Thọ Minh	42.000.000	42.000.000
- Nguyễn Hữu Ngôn	4.950.000	4.950.000
- Hoàng Thăng Ngói (Linh tích Sầm Sơn)	9.800.000	7.500.000
- Trần Văn Lực (sách luyện thi vào lớp 10)	96.250.000	-
- Trung tâm DNTT lái xe DB (Nguyễn Huy Bang)	549.182	549.182
- DNTN Sản xuất TM Huy Chúc (Nguyễn Đắc Huy)	6.904.000	6.904.000
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hóa	-	35.485.714
- Công ty In TM Trường Xuân	1.000.000	-

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

248 Trần Phú, phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

- Vườn Quốc gia Bến En	130.000.000	-
- Ban Tuyên giáo Huyện ủy Thạch Thành	110.815.000	110.815.000
- Công ty TNHH In Đông Á (Lê Tất Thắng)	31.449.138	23.749.138
- Hoàng Mạnh Hùng (Ban liên lạc N237-Hội CTNXP T.Hóa)	500.000	500.000
- Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đông Sơn	87.500.000	-
- Công ty TNHH In và TM Cường Hiếu	8.821.000	7.221.000
- Nguyễn Thanh Tùng (Công ty QC Biển Đông)	1.000.000	1.000.000
- Trần Nhật Thương (Xưởng vẽ Phan Bảo)	500.000	500.000
- Công ty TNHH Giáo dục Điện tử Thông Minh (Nguyễn T.Mỹ Hạnh)	1.000.000	1.000.000
- UBND xã Quảng Giao	27.750.000	27.750.000
- Nhà sách Nguyễn Ba	29.808.000	29.808.000
- UBND xã Thạch Bình	82.600.000	82.600.000
- Vũ Mạnh Tường (Công ty CP Truyền Thông MTV)	3.000.000	3.000.000
- Công ty CP Toàn Cầu (Trương Đức Vỹ Nhật)	43.152.000	43.152.000
- Công ty CP sách GD Bắc Hà (Nguyễn Công Cát)	3.000.000	3.000.000
- Đặng Minh Thông (Công ty TNHHSXTM Minh Tiến)	1.200.000	1.200.000
- Trường Cao Đẳng nghề CN Thanh Hóa	700.000	700.000
- Nguyễn Thị Tiến (NS Việt Mỹ)	800.000	800.000
- Hoàng Văn Cường (Công ty CPĐTPT Sông Mã)	6.600.000	6.600.000
- Nguyễn Trọng Quỳnh (Hội những người yêu thơ tỉnh T.Hóa)	48.425.000	48.425.000
- Nguyễn Thanh Tùng (Công ty Thiên Ý)	-	1.577.143
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	7.130.572	13.130.572
- Nguyễn Cẩm Hương	700.000	700.000
- Sách đặt hàng (Sở tài Chính - Sở TT & TT.T.Hóa)	1.979.335.000	-
- Huyện ủy Thọ Xuân	-	96.200.000
- Nguyễn Đình Thọ (Công ty CPVH Kinh Bắc)	2.550.000	2.550.000
- Phạm T.Ngọc Tuyết (Công ty TNHH TM&DV VH Giáo dục PN)	4.000.000	-
- Trường Đào Duy Từ	-	149.828.572
- Bùi Nguyễn Hoài Ân (Công ty TNHH TMDV In ấn Sinh Danh)	13.800.000	13.800.000
- Võ Đình Đạm - TP. HCM	10.000.000	10.000.000
- Hoàng Kim Anh (Công ty CP In QC & Truyền thông Thúy An)	500.000	500.000
- Công an tỉnh Thanh Hóa	-	97.388.571
- UBND xã Thiệu Chính	-	31.540.800
- Lê Giang Kỳ (Điều phối nói)	-	1.100.000
- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	-	73.499.018
- Bùi Việt Hải (Công ty TNHH QC - In ấn - TCSK Vĩnh Phúc)	2.000.000	2.000.000
- Công ty CP sách Bách Việt (Lê Thanh Huy)	6.700.000	6.700.000
- Công ty TNHH Hải Liên (Nguyễn Hải Đăng)	900.000	900.000
- Nguyễn Thanh Hương (Sách Thú Dị - TP. Hồ Chí Minh)	1.200.000	-
- KCầm Mạnh Hùng	6.600.000	6.600.000
- Công ty TNHH SXTMDV Tân Thuận Tiến (Dỗ Phước Thuận)	24.500.000	24.000.000
- Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa	96.900.000	159.400.000
- Nguyễn Minh Triết (NS Minh Triết)	3.000.000	3.000.000
- Phạm Xuân Cừ	550.000	5.050.000

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

248 Trần Phú, phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

- Huyện ủy Thường Xuân	-	25.806.000
- Hoàng Sỹ Khiêm (Bức tranh quê - Thơ) Hoàng Khánh - T.Hóa	500.000	500.000
- DNTN TMDV Văn hóa Thanh Hoa (Nguyễn T.Thanh Hoa)	1.000.000	1.000.000
- Mai Văn Minh (CLB Hưu trí CQ Dân Chính Đảng TPTH)	1.035.000	1.035.000
- Nguyễn Phúc Toàn (Công ty CPĐT&PT GD Phương Đông)	2.000.000	1.000.845
- Công ty TNHH MTV TM&DV Nhân Trí Việt (Trần Đức Nam)	30.250.000	30.250.000
- Công ty CPQC Truyền thông Thái Bình Dương (Lê T.Hồng Nhung)	20.821.000	20.821.000
- Nguyễn Thanh Giang (Công ty TNHH Sách Panda)	1.500.750	1.500.750
- Hội đồng Anh TP. Hồ Chí Minh (Nguyễn Thái Hạnh)	500.000	500.000
- Công ty CP STD Việt Nam (Nguyễn Minh Toàn)	500.000	500.000
- Huyện ủy Hậu Lộc	39.996.000	-
- Nguyễn Công Sơn (NS Việt Trì - TP.HCM)	4.300.000	4.300.000
- Nguyễn Thông (Công ty TNHH TM Khoa Kim)	1.500.000	1.500.000
- Bùi Thị Vân Anh - Công ty TNHH MTV Hải Vương	300.000	300.000
- UBND xã Thọ Thanh	5.000.000	5.000.000
- Nguyễn Ngọc Lâm (Công ty CPTM Mỹ thuật MTM Hà Nội)	778.182	778.182
- Bùi Quốc Hồng (Công ty TNHH SXTM QC Tân Đất Việt)	4.200.000	5.401.890
- Đinh Quang Tùng (Công ty TNHH MTV Đinh Nguyên Phát)	6.003.000	6.003.000
- Hoàng Thị Hằng (Công ty TNHH VH Cội nguồn Việt Nam)	68.000.000	68.000.000
- Lò Thanh Tuấn (Sách Chi bộ thôn Thượng Sơn)	14.000.000	14.000.000
- Nguyễn Công Bình (Trung tâm KĐKTATM TB N.Nghiệp)	1.000.000	1.000.000
- Huỳnh Thiện Thơ (Cty SX Cát Thành)	5.000.000	-
- Lê Đình Bằng (Tĩnh Lặng - Thơ)	12.000.000	12.000.000
- Đào Hữu Duy Anh (Công ty CPTĐHC Đức Giang)	2.600.000	2.600.000

b) Dài hạn

Cộng	4.028.193.293	2.262.845.413
------	---------------	---------------

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dư phòng	Giá trị	Dư phòng
3 . Phải thu khác				
a) Ngắn hạn	36.000.000	-	16.000.000	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
- Tạm ứng	23.000.000	-	16.000.000	-
Lê Trí Duẩn	5.000.000	-	5.000.000	-
Phùng Sĩ Tài	10.000.000	-	3.000.000	-
Phan Bao	5.000.000	-	5.000.000	-
Nguyễn Hữu Thanh	1.000.000	-	1.000.000	-
Lê Đăng Sơn	2.000.000	-	2.000.000	-
Hoàng Văn Tú	13.000.000	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	36.000.000	-	16.000.000	-

4 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Chi tiết tại phụ lục số 01)

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

248 Trần Phú, phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . Chi phí trả trước	31/12/2022	01/01/2022
<i>a) Ngắn hạn</i>	76.305.809	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn	76.305.809	-
<i>b) Dài hạn</i>	50.236.191	64.749.066
- Chi phí trả trước dài hạn	50.236.191	64.749.066
Cộng	126.542.000	64.749.066

	31/12/2022		01/01/2022	
6 . Phải trả người bán	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<i>a) Ngắn hạn</i>	4.172.786.014	4.172.786.014	4.456.399.955	4.456.399.955
- Công ty CP Văn Hóa Văn Lang (Vũ Đình Hòa)	84.132.000	84.132.000	194.739.000	194.739.000
- Nhà xuất bản Nông Nghiệp	-	-	26.254.500	26.254.500
- Công ty CP TM Mỹ thuật MTM Hà Nội	-	-	28.452.035	28.452.035
- Công ty In TM Trường Xuân	3.834.794.420	3.834.794.420	3.882.570.420	3.882.570.420
- Công ty CP Văn hóa Nhân Văn	26.200.000	26.200.000	27.000.000	27.000.000
- Bưu điện tỉnh Thanh Hóa (Tiền gửi sách đặt hàng)	107.640.986	107.640.986	271.884.000	271.884.000
- Công ty TNHH Đại Thắng	-	-	25.500.000	25.500.000
- Công ty TNHH TM& Vận tải Thủy Chi	29.999.989	29.999.989	-	-
- Công ty TNHH SX, TM Dịch vụ và Công nghệ Duy Anh	52.106.277	52.106.277	-	-
- Hoàng Đình Trí	37.912.342	37.912.342	-	-
<i>b) Dài hạn</i>	-	-	-	-
Cộng	4.172.786.014	4.172.786.014	4.456.399.955	4.456.399.955

7 . Người mua trả tiền trước	31/12/2022	01/01/2022
<i>a) Ngắn hạn</i>	9.063.500	13.063.500
- Nguyễn Ngọc Triệu (Nhà sách Triệu Minh)	-	4.500.000
- Nguyễn Văn Tuấn (Công ty TNHH In & TB Trường học Thanh Hóa)	-	1.500.000
- Đỗ Thị Hồng (NS Mười Chín)	2.000.000	-
- Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa	7.063.500	7.063.500
<i>b) Dài hạn</i>	-	-
Cộng	9.063.500	13.063.500

8. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	250.818.825	204.080.792	46.738.033
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	21.295.318	81.017.120	34.010.896	68.301.542
- Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	58.383.360	58.383.360	-
- Các loại thuế khác(thuế môn bài)	-	2.000.000	2.000.000	-
Cộng	21.295.318	392.219.305	298.475.048	115.039.575

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

9. Phải trả khác	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	377.405.113	377.405.113	604.874.809	604.874.809
Kinh phí công đoàn	3.849.564	3.849.564	4.967.064	4.967.064
Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	9.783.889	9.783.889	4.556.689	4.556.689
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	363.771.660	363.771.660	595.351.056	595.351.056
Tiền nhận bù phải trả	363.771.660	363.771.660	595.351.056	595.351.056
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	377.405.113	377.405.113	604.874.809	604.874.809

10. Vốn chủ sở hữu

10.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại phụ lục số 02)

10.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
Vốn Chủ sở hữu	1.455.487.352	1.455.487.352
Cộng	1.455.487.352	1.455.487.352

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	6.569.817.494	6.583.232.747
Cộng	6.569.817.494	6.583.232.747
2. Doanh thu thuần	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần bán hàng	6.569.817.494	6.583.232.747
Cộng	6.569.817.494	6.583.232.747
3. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.818.825.563	4.898.319.694
Cộng	4.818.825.563	4.898.319.694
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.782.864	3.604.364
Cộng	2.782.864	3.604.364

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

248 Trần Phú, phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Năm nay	Năm trước
5 . Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	-	-
Cộng	-	-
6 . Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	35.000.001	38.231.819
Cộng	35.000.001	38.231.819
7 . Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt	-	-
- Chi phí khác	-	70.258.182
Cộng	-	70.258.182
8 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<i>1.757.732.861</i>	<i>1.814.171.220</i>
Cộng	1.757.732.861	1.814.171.220
9 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.834.575.146	4.903.790.865
Chi phí nhân công	1.170.209.250	1.404.222.156
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
Thuế, phí lệ phí	62.680.386	45.463.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.523.859	134.664.432
Chi phí khác bằng tiền	408.569.783	224.349.984
Cộng	6.576.558.424	6.712.490.914
10 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
a. Lợi nhuận trước thuế	31.041.935	(157.680.166)
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	31.041.935	(157.680.166)
d. Thuế TNDN	-	-
e. Lợi nhuận sau thuế	31.041.935	(157.680.166)

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

2 . Báo cáo bộ phận

3 . Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Thu nhập của Ban Giám đốc

Lương và các thu nhập khác:

- Ban Giám đốc

Năm 2022

VNĐ

148.425.197

148.425.197

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

248 Trần Phú, phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. Công cụ tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.893.394.519	3.969.415.015	1.893.394.519	3.969.415.015
Phải thu khách hàng	4.028.193.293	2.262.845.413	4.028.193.293	2.262.845.413
Trả trước cho người bán	-	-	-	-
Phải thu khác	36.000.000	16.000.000	36.000.000	16.000.000
Cộng	5.957.587.812	6.248.260.428	5.957.587.812	6.248.260.428
	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	4.172.786.014	4.456.399.955	4.172.786.014	4.456.399.955
Người mua trả tiền trước	9.063.500	13.063.500	9.063.500	13.063.500
Phải trả khác	377.405.113	604.874.809	377.405.113	604.874.809
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản vay	-	-	-	-
Cộng	4.559.254.627	5.074.338.264	4.559.254.627	5.074.338.264

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phản ánh gần xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa tra thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm (31/12/2022)			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	4.172.786.014	-	4.172.786.014
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	377.405.113	-	377.405.113

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

248 Trần Phú, phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Số đầu năm (01/01/2022)

Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	4.456.399.955	-	4.456.399.955
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	604.874.809	-	604.874.809

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

5. Thông tin so sánh

Số dư đầu năm được lấy theo số liệu trên Báo cáo quyết toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 chuyển sang ngày 01/01/2022 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn APEC kiểm toán.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra ảnh hưởng tới tình hoạt động liên tục sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được thành lập trên giả định rằng Công ty vẫn hoạt động liên tục ít nhất trong 12 tháng tiếp theo.

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc





Nguyễn Hữu Thanh

Nguyễn Hữu Thanh

Hoàng Văn Tú

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

248 Trần Phú, phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Phụ lục số 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu năm		468.538.900				468.538.900
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm						
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	468.538.900	-	-	-	468.538.900
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		468.538.900		-		468.538.900
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm		-				-
- Tăng khác						-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	468.538.900	-	-	-	468.538.900
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-	-

Phụ lục số 02: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.455.487.352					(123.594.415)	1.331.892.937
Tăng vốn trong năm trước		-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	(157.680.166)	(157.680.166)
Tăng khác	-	-	-	-	-		-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-		-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác		-		-		-	-
Số dư đầu năm nay	1.455.487.352	-	-	-	-	(281.274.581)	1.174.212.771
Tăng vốn trong năm		-	-	-	-		-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	31.041.935	31.041.935
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-		-		-
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (***)	-	-	-	-	-		-
Số dư cuối năm nay	1.455.487.352		-	-	-	(250.232.646,00)	1.205.254.706